

Số: 1865 /STP-VP
V/v báo cáo thống kê năm 2016

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Thực hiện Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, Sở Tư pháp Khánh Hòa thuyết minh về báo cáo thống kê theo kỳ báo cáo ước tính của năm 2016 như sau:

1. Tình hình lập báo cáo thống kê
 - Tổng số các báo cáo thống kê kèm theo Công văn này: **23 biểu**.
 - Liệt kê cụ thể số ký hiệu và tên biểu báo cáo thống kê gửi kèm công văn:
 1. Báo cáo theo Biểu mẫu số 01c/BTP/VĐC/XDPL về Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được soạn thảo, ban hành trên địa bàn tỉnh; Số dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh thẩm định;
 2. Báo cáo theo Biểu mẫu số 03c/BTP/KTrVB/RSVB về Kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh;
 3. Báo cáo theo Biểu mẫu số 04b/BTP/KTrVB/RSVB về Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh;
 4. Báo cáo theo Biểu mẫu số 05c/BTP/KTrVB/RSVB về Số văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát trên địa bàn tỉnh;
 5. Báo cáo theo Biểu mẫu số 32b/BTP/VĐC/PC về Số tổ chức pháp chế và cán bộ pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;
 6. Báo cáo theo Biểu mẫu số 17c/BTP/HTQTCT/CT về Kết quả chứng thực của UBND cấp xã và Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh;
 7. Báo cáo theo Biểu mẫu số 13c/BTP/HTQTCT/HT về Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn trên địa bàn tỉnh;
 8. Báo cáo theo Biểu mẫu số 19/BTP/LLTP về Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp;
 9. Báo cáo theo Biểu mẫu số 20a/BTP/LLTP về Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý của Sở Tư pháp;



10. Báo cáo theo Biểu mẫu số 21/BTP/LLTP về Số người có lý lịch tư pháp;
11. Báo cáo theo Biểu mẫu số 22c/BTP/CN/TN về Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh;
12. Báo cáo theo Biểu mẫu số 23b/BTP/ĐKQGGDBĐ về Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về GDBĐ bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;
13. Báo cáo theo Biểu mẫu số 24/BTP/TGPL về Số lượt người được trợ giúp pháp lý;
14. Báo cáo theo Biểu mẫu số 25/BTP/TGPL về Số vụ việc trợ giúp pháp lý;
15. Báo cáo theo Biểu mẫu số 26/BTP/TGPL về Số tổ chức và số người thực hiện trợ giúp pháp lý;
16. Báo cáo theo Biểu mẫu số 27c/BTP/BTTP/GĐTP về Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh;
17. Báo cáo theo Biểu mẫu số 28c/BTP/BTTP/ĐGTS về Tình hình tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh;
18. Báo cáo theo Biểu mẫu số 30/BTP/BTTP/LSTN về Tình hình tổ chức và hoạt động của luật sư;
19. Báo cáo theo Biểu mẫu số 31/BTP/BTTP/CC về Tình hình tổ chức và hoạt động công chứng;
20. Báo cáo theo Biểu mẫu số 09d/BTP/PBGDPL về Số tuyên truyền viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật trên địa bàn tỉnh;
21. Báo cáo theo Biểu mẫu số 10b/BTP/PBGDPL về Kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh;
22. Báo cáo theo Biểu mẫu số 11d/BTP/PBGDPL/HGCS về Tình hình tổ chức, cán bộ của tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh;
23. Báo cáo theo Biểu mẫu số 12d/BTP/PBGDPL/HGCS về Kết quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Từng biểu báo cáo gửi kèm có đủ chữ ký của các đối tượng báo cáo theo mẫu ghi trên biểu và có đóng dấu theo đúng quy định).

2. Liệt kê rõ số ký hiệu tên báo cáo thống kê mà đơn vị có trách nhiệm phải báo cáo trong kỳ nhưng không gửi báo cáo. Cụ thể như sau:

2.1. Liệt kê rõ số ký hiệu, tên biểu của các báo cáo thống kê không gửi vì không có số liệu phát sinh trong kỳ báo cáo.

+ Báo cáo theo Biểu mẫu số 29b/BTP/BTTP-TTTM về Tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức trọng tài trên địa bàn tỉnh.

2.2. Liệt kê rõ số ký hiệu, tên biểu của các báo cáo thống kê không gửi do đơn vị báo cáo không thể tổng hợp được số liệu trong kỳ báo cáo, nêu rõ nguyên nhân: không có

3. Những vấn đề cần thuyết minh để làm rõ hơn về nội dung số liệu thống kê trong một số biểu mẫu báo cáo (nếu có): không có

5. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện biểu mẫu từ chính các quy định của biểu mẫu thống kê (nếu có); đề xuất kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung biểu mẫu thống kê: không có.

Sở Tư pháp Khánh Hòa kính gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ Tư pháp) tổng hợp. *Đạt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Điều số: 20/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận:

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ TỔ CHỨC VÀ SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(Năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Kỳ báo cáo: Lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

I. SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TGPL

A	Tổng số lao động hợp đồng	Tổng số biên chế được giao	Biên chế thực hiện tại Trung tâm								Biên chế thực hiện tại chi nhánh					Số người lãnh đạo				
			Tổng số	Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL)		Chuyên viên pháp lý		Kế toán	Thủ quỹ	Khác	Tổng số	TGPL		Chuyên viên pháp lý		Khác	Giám đốc		Trưởng chi nhánh	
				TGVPL	TGVPL chính	Đã qua đào tạo nghề luật sư	Chưa qua lớp đào tạo nghề luật sư					TGVP L	TGVPL chính	Đã qua đào tạo nghề luật sư	Chưa qua lớp đào tạo nghề luật sư		Chuyên n trách	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
Tổng số	6	14	11	3	1	2	3	1	0	1	9	4	0	0	2	3	1	0	1	3
1. Nam	2	6	5	2	1	0	1	0	0	1	3	2	0	0	0	1	1	0	0	3
2. Nữ	4	8	6	1	0	2	2	1	0	0	6	2	0	0	2	2	0	0	1	0

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 3: 2.2; Cột 4: 0.6; Cột 11: 1.8; Cột 12: 0.8;

II. SỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Số tổ chức đăng ký tham gia TGPL			Cá nhân đăng ký tham gia TGPL			
Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
	Tổ chức hành nghề luật sư	Trung tâm tư vấn pháp luật		Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên TGPL khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	0	1	66	21	4	41

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 0.2; Cột 4: 13

Người lập biểu


Bui Viet Sy

Người kiểm tra



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 11 năm 2016



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hạ

Biểu số: 27c/BTP/BTTP/GĐTP
 Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
 ngày 03/3/2016
Ngày nhận báo cáo (BC):
 BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
 BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ VỤ VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
 (Năm)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
 Sở Tư pháp;
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp (Vụ việc)																								
Chia ra																								
Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng										Theo yêu cầu của người yêu cầu giám định								Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác						
Tổng số	Chia theo lĩnh vực									Tổng số	Chia theo lĩnh vực							Tổng số	Chia theo lĩnh vực					
	Pháp y	Kỹ thuật hình sự	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác	Pháp y		Kỹ thuật hình sự	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác		Pháp y	Kỹ thuật hình sự	Thông tin truyền thông	Khác		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
Tổng số	1164	1081	797	252	0	2	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	83	0	83	0	0
I. Tổ chức giám định tư pháp công lập	1132	1049	797	252	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	83	0	83	0	0
- Trung tâm pháp y	776	776	776	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	83	0	83	0	0
- Phòng kỹ thuật hình sự	356	273	21	252	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	32	32	0	0	0	2	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	83	0	83	0	0

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;
 - Số liệu ước tính Cột 2: 216 ; Cột 11: 0 ; Cột 20:17;

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ, tên)


 Bui Viet Sy

Người kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ, tên)


 Đào Đức Thắng

Ngày 24 tháng 11 năm 2016
GIÁM ĐỐC
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 28c/BTP/BTTP/ĐGTS
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (ĐGTS) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (Năm)

Kỳ báo cáo: Lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Số tổ chức bán đấu giá tài sản (Tổ chức)			Tổng số đấu giá viên (Người)	Tổng số hợp đồng đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc bán đấu giá đã thực hiện		Giá của tài sản bán đấu giá (Đồng)		Tổng số phí tham gia đấu giá (Đồng)	Tổng số phí đấu giá thu được (Đồng)	Tiền đặt trước trong trường hợp không được trả lại theo quy định pháp luật (nếu có) (Đồng)	Tổng số tiền nộp ngân sách theo quy định (Đồng)
	Tổng số	Chia ra				Tổng số	Số cuộc bán đấu giá thành	Giá khởi điểm	Giá bán				
		Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp	Hội đồng BDGTS										
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng số	5	5	0	18	447	653	495	366,986,192,127	394,930,002,151	357,550,000	1,650,911,327	0	103,210,415
1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (BDGTS)	1	1	-	3	64	156	156	40,932,646,063	43,054,727,300	49,600,000	295,349,000	0	0
2. Doanh nghiệp BDGTS	4	4	-	15	383	497	339	326,053,546,064	351,875,274,851	307,950,000	1,355,562,327	0	103,210,415
3. Hội đồng BDGTS trong trường hợp đặc biệt do cấp huyện thành lập		-		-									
4. Hội đồng BDGTS trong trường hợp đặc biệt do cấp tỉnh thành lập		-		-									

- Các cột từ (1) đến (4) không phải báo cáo trong kỳ báo cáo 6 tháng;
- Về số liệu ước tính:
- + Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- + Số liệu ước tính Cột 6: 131 ; Cột 7: 99 ; Cột 10: 71,510,000; Cột 11: 330,182,265; Cột 13: 20,642,083

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Bui Viet Sy

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

..., ngày 24 tháng 11 năm 2016
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)




Lê Văn Hạ

Biểu số: 30/BTP/BTTP/LSTN
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
LUẬT SƯ
(Năm)**

Kỳ báo cáo: Năm 2016
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp

	Số tổ chức hành nghề luật sư (tổ chức)	Số luật sư hành nghề tại địa phương (người)	Số việc thực hiện xong (việc)				Doanh thu (đồng)		
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Nộp thuế		
				Số việc tố tụng				Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác	Trợ giúp pháp lý
				Tổng số	Trong đó: số việc về hình sự				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số	24	67	1,201	222	138	610	369	1,821,786,364	141,361,636
Văn phòng Luật sư	21	60	1,142	191	125	594	357	1,733,786,364	138,961,636
Công ty luật	3	7	59	31	13	16	12	88.000.000	2,400,000

- Văn phòng Luật sư, công ty luật báo cáo từ cột (2) đến cột (9) của biểu này; Sở Tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này.

- Về số liệu ước tính

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Công ty luật/Văn phòng Luật sư ước tính các cột 3, 8 và 9; Sở Tư pháp ước tính các cột 1, 3, 8 và 9;

+ Số liệu ước tính Cột 1: 4,8 ; Cột 3: 240,2 ; Cột 8: 364,357,272 ; Cột 9: 28,272,327

- Đối với Sở Tư pháp cần ghi rõ:

+ Số liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của 24/24 số tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

+ Theo quản lý của Sở Tư pháp, số luật sư là thành viên của Đoàn luật sư địa phương là 57 luật sư.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)


Bùi Việt Sỹ

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

..., ngày 24 tháng 11 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



BIAM ĐỒ

Lê Văn Hạ

Biểu số: 31/BTP/BTTP/CC

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG CHỨNG
(Năm)**

Kỳ báo cáo: Lần 1.
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp: nhận báo cáo của Phòng Công chứng,
Văn phòng công chứng

- Bộ Tư pháp (Vụ KHTC): nhận báo cáo của Sở Tư
pháp

	Số tổ chức hành nghề công chứng (tổ chức)	Số công chứng viên (người)		Tổng số việc đã công chứng, chứng thực											
				Số việc công chứng						Số việc chứng thực					
				Tổng số	Chia ra		Tổng số thù lao công chứng (đồng)	Tổng số phí công chứng (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Chứng thực bản sao		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản			
					Tổng số	Trong đó: Số công chứng viên hợp danh				Công chứng hợp đồng, giao dịch (việc)	Công chứng bản dịch và các loại việc khác (việc)	Số bản sao (bản sao)	Phí chứng thực bản sao (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Số việc (việc)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số	12	23	18	70,766	69,675	1,091	764,156,639	17,570,495,487	4,249,843,305	91,109	1,644,030,230	107,361,913	2,354	22,853,364	2,200,228
Phòng CC	1	3		6,501	6,403	98		3,171,643,000	1,585,821,500	8,861	112,864,000	56,432,000	177	177,000	88,500
Văn phòng CC	11	20	18	64,265	63,272	993	764,156,639	14,398,852,487	2,664,021,805	82,248	1,531,166,230	50,929,913	2,177	22,676,364	2,111,728

- Các phòng công chứng, văn phòng công chứng báo cáo từ cột (2) đến cột (15); các Sở tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này;

- Về số liệu ước tính:

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Số liệu ước tính

Số việc công chứng: Cột 4: 14153; Cột 8: 3,514,099,097; Cột 9: 849,968,661;

Chứng thực bản sao: Cột 10: 18222; Cột 11: 328,806,046 ; Cột 12: 21,472,383;

Chứng thực Chữ ký: Cột 13: 471; Cột 14: 4.570,673; Cột 15: 440,046;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Bùi Việt Sỹ

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

..., ngày 24. tháng 11 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

GIAM ĐÓNG




Lê Văn Hạ

Biểu số 01c/BTP/VĐC/XDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH;
SỐ DỰ THẢO VBQPPL DO CƠ QUAN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH****THẨM ĐỊNH****(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: năm lần I

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định		Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định				
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Thẩm định VBQPPL		
								Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		(12)	(13)
Tổng số trên địa bàn tỉnh													
I. Tại cấp tỉnh	70	34	36	38	29	9	4	0	4		36	27	9
II. Tại cấp huyện	4	0	4	4	0	4	4	0	4	-	-	-	-
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
Thành phố Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
Thị xã Ninh Hòa	3	0	3	3	0	3	3	0	3				
Huyện Vạn Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Khánh Sơn	1	0	1	1	0	1	1	0	1				
Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0		0				



	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định			Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định			
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Thẩm định VBQPPL			
							Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		(11)	(12)	(13)
Huyện Cam Lâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
III. Tại cấp xã	7	4	3	7	4	3	-	-	-	-	-	-	-
1. Huyện Cam Lâm	6	4	2	6	4	2	-	-	-	-	-	-	-
2. Huyện Khánh Sơn	1	0	1	1	0	1	-	-	-	-	-	-	-

Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 14; Cột 4: 8; Cột 7: 2; Cột 10:.....; Cột 11: 8

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phạm

Trần Văn Dũng

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Đào Đức Thắng

Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

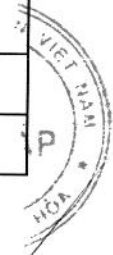
GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Lê Văn Hạ



Biểu số: 03c/BTP/KTrVB/TKT

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA,
XỬ LÝ VĂN BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Kỳ báo cáo: Năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản (VB) đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã được xử lý						
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL	Tổng số	Chia ra					
		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản quy phạm pháp luật		Đã xử lý trong kỳ báo cáo			VB của kỳ trước được xử lý trong kỳ này					
					Tổng số	Chia ra	Tổng số			Trong đó: số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: số VBQPPL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Sai về thẩm quyền ban hành, nội dung	Các sai khác	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
A															
Tổng số trên địa bàn tỉnh	92	67	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1. Tại cấp tỉnh	57	57	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tại địa bàn huyện	35	10	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành phố Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thị xã Ninh Hòa	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Vạn Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Sơn	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Vĩnh	25	0	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Cam Lâm	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 18 ; Cột 9: 0;

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

[Handwritten signature]

Tôn Văn Dũng

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

[Handwritten signature]

Đào Đức Thắng

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 04b/BTP/KTr-VB/KTTTQ

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Kỳ báo cáo: Năm lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

	Số văn bản (VB) tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB đã kiểm tra			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã xử lý				
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	Tổng số	Chia ra			
		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPPL	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Tổng số	Chia ra				Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này	
									Sai về thẩm quyền ban hành, nội dung	Các sai khác			Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	54	2	52	54	2	52	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0
1. Tại UBND cấp tỉnh	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0
2. Tại UBND cấp huyện	53	1	52	53	1	52	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành phố Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thị xã Ninh Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Vạn Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Sơn	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Vĩnh	52	0	52	52	0	52	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Cam Lâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4: 11; Cột 12: 0

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

Trần Văn Dũng

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Đào Đức Thắng

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 05c/BTP/KTrVB/RSVB

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Năm lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		
	Tổng	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
		Đã được rà soát	Chưa được rà soát		Đã xử lý	Chưa xử lý		Đã xử lý	Chưa xử lý
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	153	153	0	63	25	38	0	0	0
1. Tại UBND cấp tỉnh	103	103	0	57	19	38	0	0	0
2. Tại địa bàn huyện	50	50	0	6	6	0	0	0	0
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành phố Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thị xã Ninh Hòa	41	41	0	5	5	0	0	0	0
Huyện Vạn Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Sơn	2	2	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Cam Lâm	7	7	0	1	1	0	0	0	0
Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 30.; Cột 4 12; Cột 7 0.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)


Trần Văn Dũng

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 32b/BTP/VĐC/PC

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỞ TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ CÁN BỘ PHÁP CHẾ

TẠI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND

CẤP TỈNH

Kỳ báo cáo: Năm lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

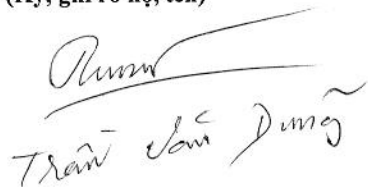
A. Thang

Tên cơ quan/ tên tỉnh, thành phố Trung ương	Tổ chức pháp chế			Công chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)								
	Có tổ chức bộ máy (Phòng/ Ban thuộc cơ cấu)	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức chuyên trách	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức kiêm nhiệm	Tổng số	Chia theo tính chất		Chia theo trình độ chuyên môn			Chia theo thâm niên		
					Chuyên trách	Kiêm nhiệm	Chuyên môn luật			Chuyên môn khác	Từ 5 năm trở lên	Dưới 5 năm
							Trung cấp	Đại học	Sau đại học			
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số	0	1	15	20	1	19	0	10	0	10	7	13
Sở Tài chính	0		1			1				1		1
Sở NNPTNT	0		1			1				1		1
Sở Ngoại vụ	0		1			1		1				1
Sở VH và TT	0		1			1				1		1
Sở GTVT	0		1			1		1				1
Sở TN và MT	0		1			1		1			1	
Sở Xây dựng	0		1			1		1			1	
Sở LĐTBXH	0		1			1		1			1	
Sở Y tế	0		1			5		2		3	3	2
Sở GD và ĐT	0		1			1				1		1
Sở Công thương	0	1			1			1				1
Sở KH và ĐT	0		1			1				1		1
Sở TTTT	0		1			1				1		1
Sở KH và CN	0		1			1				1		1
Sở Du lịch	0		1			1		1			1	
Sở Nội vụ	0		1			1		1				1

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4: 0

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Trần Văn Dũng

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 17c/BTP/HTQTCT/CT
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

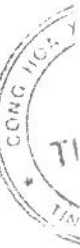
**KẾT QUẢ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP
XÃ VÀ PHÒNG TƯ PHÁP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: Năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

I. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực							
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực chữ ký người dịch		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
				Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
A	B	-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10
Tổng số	Thực hiện	17,710	73,565,000	34,655	346,855,200	32,596	325,960,000	2,040	20,400,000	19	570,000
	Ước tính	3,542	14,713,000	6,931	69,371,040	6,519	65,192,000	408	4,080,000	4	114,000
1. Phòng Tư pháp Nha Trang	Thực hiện	6,086	28,806,000	32,524	325,240,000	32,476	324,760,000	48	480,000	0	0
	Ước tính	1,217	5,761,200	6,505	65,048,000	6,495	64,952,000	10	96,000	0	0
2. Phòng Tư pháp Cam Ranh	Thực hiện	1,725	8,625,000	1,661	16,610,000	73	730,000	1,588	15,880,000	0	0
	Ước tính	345	1,725,000	332	3,322,000	15	146,000	318	3,176,000	0	0
3. Phòng Tư pháp Ninh Hòa	Thực hiện	344	1,261,000	0	0						
	Ước tính	69	252,200	0	0						
4. Phòng Tư pháp Diên Khánh	Thực hiện	5,119	21,830,000	18	280,000	13	130,000	0	0	5	150,000
	Ước tính	1,024	4,366,000	4	60,000	3	30,000	0	0	1	30,000



5. Phòng Tư pháp Cam Lâm	Thực hiện	1,325	4,603,000	31	310,000	19	190,000	12	120,000	0	0
	Ước tính	265	920,600	6	62,000	4	38,000	2	24,000	0	0
6. Phòng Tư pháp Vạn Ninh	Thực hiện	238	1,647,000	410	4,280,000	9	90,000	392	3,920,000	9	270,000
	Ước tính	48	329,400	82	856,000	2	18,000	78	780,000	2	54,000
7. Phòng Tư pháp Khánh Vĩnh	Thực hiện	2,453	5,100,000	5	130,000	1	10,000	0	0	4	120,000
	Ước tính	491	1,020,000	1	26,000	0	0	0	0	1	30,000
8. Phòng Tư pháp Khánh Sơn	Thực hiện	420	1,693,000	6	5,200	5	50,000	0	0	1	30,000
	Ước tính	84	338,600	1	14,000	1	10,000	0	0	0	0

II. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

A	B	Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực					
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
		Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
		-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
Tổng số	Thực hiện	807,226	4,409,248,703	1,451,375	633,324,901	1,441,898	377,118,511	9,477	256,206,090
	Ước tính	161,445	881,849,741	290,275	126,664,980	288,380	75,423,702	1,895	51,241,218
1. Phòng TP Nha Trang	Thực hiện	355,851	2,250,422,203	1,423,347	201,877,101	1,423,333	201,607,011	14	270,090
	Ước tính	71,170	450,084,441	284,669	40,375,420	284,667	40,321,402	3	54,018
2. Phòng TP Cam Ranh	Thực hiện	65,097	522,388,000	1,835	38,110,500	822	7,720,500	1,013	30,390,000
	Ước tính	13,019	104,477,600	367	7,622,100	164	1,544,100	203	6,078,000
3. Phòng TP Ninh Hòa	Thực hiện	93,373	398,882,000	8,105	117,058,000	6,156	48,783,000	1,949	68,275,000
	Ước tính	18,675	79,776,000	1,621	23,412,000	1,231	9,757,000	390	13,655,000
4. Phòng TP Diên Khánh	Thực hiện	78,203	502,700,000	2,612	57,233,300	717	7,707,000	1,895	49,526,000
	Ước tính	15,641	100,540,000	522	11,446,660	143	1,541,000	379	9,905,000
5. Phòng TP Cam Lâm	Thực hiện	59,843	203,082,000	1,205	27,821,000	788	10,761,000	417	17,060,000
	Ước tính	11,969	40,616,400	241	5,564,200	158	2,152,200	83	3,412,000

6. Phòng TP Vạn Ninh	Thực hiện	114,545	407,220,000	13,712	172,490,000	9,912	99,120,000	3,800	73,370,000
	Ước tính	22,909	81,444,000	2,742	34,498,000	1,982	19,824,000	760	14,674,000
7. Phòng TP Khánh Vĩnh	Thực hiện	22,913	65,713,000	414	14,365,000	160	1,320,000	254	13,045,000
	Ước tính	4,583	13,142,600	83	2,873,000	32	264,000	51	2,609,000
8. Phòng TP Khánh Sơn	Thực hiện	17,401	58,841,500	145	4,370,000	10	100,000	135	4,270,000
	Ước tính	3,480	11,768,300	29	874,000	2	20,000	27	854,000
		126.663.380							

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Đào Đức Thắng

Ngày 30 tháng 11 năm 2016
GIÁM ĐỐC
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Hạ



Biểu số 19/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP
(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo: năm lần nhất
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Phiếu

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 ĐÃ CẤP									SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 ĐÃ CẤP							
Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về án tích		Trong đó: Xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX			Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về tình trạng án tích		Chia theo nội dung xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	
	Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội	Không có án tích	Có án tích	Tổng số	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX		Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan tiến hành tố tụng	Không bị kết án	Bị kết án	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2872	2680	192	0	2858	1	2859	2859	0	2715	2711	4	0	2702	0	2706	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 574; Cột 10: 543;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo năm

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

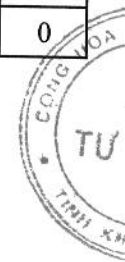
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực)

A. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI UỶ BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Trường hợp

(A)	I. Khai sinh (Chia theo quốc tịch của cha, mẹ)							II. Khai tử						
	Tổng số	Con có cha và mẹ là người nước ngoài			Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam			Tổng số	Người nước ngoài			Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Nam	Nữ		Nam	Nữ			Nam	Nữ		Nam	Nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	93	2	2	0	91	50	41	31	28	22	6	3	0	3
1. TP. Nha Trang	50	2	2	0	48	30	18	24	23	19	4	1	0	1
2. TP. Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. TX. Ninh Hòa	21	0	0	0	21	10	11	2	2	2	0	0	0	0
4. H. Vạn Ninh	13	0	0	0	13	5	8	2	2	0	2	0	0	0
5. H. Diên Khánh	4	0	0	0	4	2	2	1	1	1	0	0	0	0
6. H. Cam Lâm	5	0	0	0	5	3	2	2	0	0	0	2	0	2
7. H. Khánh Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. H. Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1: 19 ; Cột 8: 6



III. KẾT HÔN

	Số cuộc kết hôn chia theo đối tượng kết hôn (Cặp)					Số người kết hôn chia theo quốc gia/ vùng lãnh thổ của công dân nước ngoài mang quốc tịch/cư trú (người)							Số người kết hôn chia theo giới tính công dân Việt Nam cư trú trong nước (Người)		
	Tổng số	Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Tổng số	Mỹ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài Loan)	Hàn Quốc	Quốc gia/ vùng lãnh thổ khác	Tổng số	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	398	295	101	1	1	320	151	20	1	3	8	137	396	53	343
1. TP. Nha Trang	195	149	45	0	1	150	80	5	1	2	4	58	194	26	168
2. TP. Cam Ranh	58	41	16	1	0	41	17	6	0	1	1	16	57	11	46
3. TX. Ninh Hòa	43	27	16	0	0	43	11	3	0	0	3	26	43	2	41
4. H. Vạn Ninh	53	39	14	0	0	39	21	5	0	0	0	13	53	7	46
5. H. Diên Khánh	15	13	2	0	0	13	7	0	0	0	0	6	15	2	13
6. H. Cam Lâm	33	25	8	0	0	33	14	1	0	0	0	18	33	5	28
7. H. Khánh Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. H. Khánh Vĩnh	1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
 - Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1: 80;

B. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN TRONG NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ

	ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)										ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)						ĐĂNG KÝ KẾT HÔN						
	Đăng ký mới										Đăng ký mới						Đăng ký mới						
	Tổng số	Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký				Đăng ký lại	Tổng số	Chia theo độ tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký			Đăng ký lại	Tổng số (Cặp)	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)		Đăng ký lại (Cặp)
		Dân tộc Kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn	Quá hạn					Dưới 1 tuổi	Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi	Từ 5 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	Nam				Nữ		
Tổng số							Số trẻ em được sinh trong	Dưới 5 tuổi															
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	19,353	17,841	1,512	9,957	9,396	16,309	3,044	1,448	1,481	5,070	6,010	33	30	5,947	4,701	1,309	115	9,622	8,377	25.4	23.3	63	
1. TP. Nha Trang	6,668	6,646	22	3,503	3,165	5,748	920	627	293	831	1,866	3	8	1,855	1,699	167	10	2,893	2,621	26.4	24.9	8	
2. TP. Cam Ranh	2,198	1,936	262	1,141	1,057	1,845	353	111	242	397	649	3	5	641	465	184	1	1,069	991	27.3	24.4	8	
3. TX. Ninh Hòa	3,174	3,099	75	1,546	1,628	2,801	373	84	194	2,364	1,139	4	9	1,126	901	238	55	1,506	1,481	25	23	24	
4. H. Vạn Ninh	2,203	2,190	13	1,149	1,054	1,726	477	188	216	333	654	18	3	633	425	229	18	1,715	1,004	25	23	6	
5. H. Diên Khánh	1,958	1,933	25	968	990	1,734	224	108	111	502	896	1	2	893	673	223	1	1,052	933	26.5	24.4	3	
6. H. Cam Lâm	1,866	1,742	124	1,024	842	1,528	338	164	182	370	518	3	1	514	397	121	5	911	882	25.3	23.2	9	
7. H. Khánh Sơn	510	131	379	249	261	389	121	71	104	60	118	1	0	117	76	42	23	189	185	23.3	21.3	0	
8. H. Khánh Vĩnh	776	164	612	377	399	538	238	95	139	213	170	0	2	168	65	105	2	287	280	24	22	5	

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
 - Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1: 3871; Cột 10: 1014; Cột 11: 1202;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Thụy Ý Uyên


Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Đào Đức Thắng

Đào Đức Thắng

3

ngày 30 tháng 11 năm 2016
 GIÁM ĐỐC
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lê Văn Hạ
 Lê Văn Hạ

Biểu số 20a/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ LƯỢNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NHẬN ĐƯỢC VÀ XỬ LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo: năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

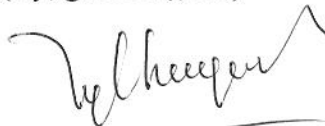
Đơn vị nhận báo cáo:Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch -
Tài chính)*Đơn vị tính: Thông tin*

Số lượng thông tin lý lịch tư pháp (LLTP) nhận được								Số lượng thông tin LLTP chia theo khâu xử lý						
Tổng số	Chia theo cơ quan cung cấp							Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại				Lập LLTP, cập nhật bổ sung		
	Tòa án các cấp		Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh	Cơ quan Công an cấp huyện	Cơ quan Thi hành án dân sự	Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	Tòa án quân sự Trung ương và các cơ quan khác	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra	
	Thông tin về án tích	Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX							Đã tiếp nhận, kiểm tra, phân loại		Chưa kiểm tra, phân loại		Đã lập LLTP, cập nhật bổ sung	Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung
Tổng số			Trong đó: cung cấp cho Trung tâm LLTPQG, Sở Tư pháp tỉnh khác	Tổng số	Đã lập LLTP, cập nhật bổ sung	Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8,436	4,947	0	0	165	1,817	784	723	8,436	8,436	611	0	8,436	2,446	5,990

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

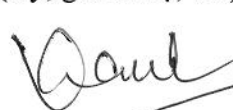
- Số liệu ước tính Cột 1: 1,687; Cột 9: 1,687; Cột 10: 1,687; Cột 13: 1,687; Cột 14: 489;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 21/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ NGƯỜI CÓ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(6 tháng/ năm)

Kỳ báo cáo: năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

(Vụ Kế hoạch - Tài
chính)*Đơn vị tính: Người*

Số công dân Việt Nam có Lý lịch tư pháp (LLTP)				Số người nước ngoài có LLTP			
Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
	Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính		Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2,346	607	61	1,678	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 469; Cột 5: 0;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 23b/BTP/ĐKQGGDBĐ

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

***Sở Tư pháp nhận:**

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

***Bộ Tư pháp nhận:**

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ
GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo: năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

-Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch-Tài
chính, Cục đăng ký quốc gia giao
dịch bảo đảm): nhận báo cáo của
các đơn vị số


	Đăng ký giao dịch bảo đảm (Đơn)					Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (Đơn)	Trường hợp không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm (Trường hợp)
	Tổng số	Chia ra					
		Đăng ký giao dịch bảo đảm	Đăng ký thay đổi	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm (nếu có)	Xóa đăng ký		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Số thụ lý	34,384	21,989	186	7	12,202	74	757
Số được giải quyết	34,384	21,989	186	7	12,202	74	757

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính về Số thụ lý: Cột 1: 6,877; Cột 6: 15;

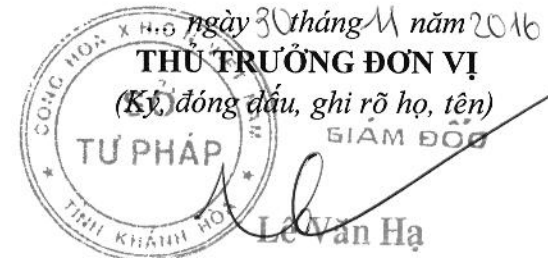
Số được giải quyết: Cột 1: 34,384; Cột 6: 74;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Đào Đức Thắng



Biểu số: 22c/BTP/CN/TN

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: năm lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo tình trạng sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi		Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi		
		Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Bình thường	Trẻ em có nhu cầu đặc biệt	Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số trên địa bàn tỉnh												
Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện Khánh Sơn	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0
Huyện Diên Khánh	7	3	2	0	1	0	1	7	0	0	6	1
Huyện Vạn Ninh	3	1	0	0	0	2	0	3	0	0	3	0
Thị xã Ninh Hòa	6	2	1	1	0	2	0	6	0	0	3	3
Thành Phố Cam Ranh	7	1	2	2	1	1	0	7	0	0	3	4
Huyện Cam Lâm	6	3	2	1	0	0	0	6	0	0	3	3
Thành Phố Nha Trang	15	3	3	4	3	0	2	15	0	2	8	5
Tổng số	45	13	10	8	6	5	3	45	0	2	27	16

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính cột 1:9

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng

..., ngày 30 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 12d/BTP/PBGDPL/HGCS
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp Khánh Hoà
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch -
Tài chính)

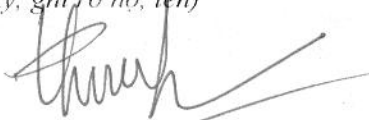
Đơn vị tính: vụ việc

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Số vụ việc hòa giải thành	Kết quả hòa giải				Số vụ việc chưa giải quyết xong
			Số vụ việc hòa giải không thành			Số vụ việc chưa giải quyết xong	
			Tổng số	Chia ra			
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	531	481	42	10	16	16	1
Thành phố Cam Ranh	67	58	9	4	4	1	0
Thị xã Ninh Hoà	120	118	2	0	1	1	0
Huyện Cam Lâm	35	27	8	3	1	4	0
Huyện Khánh Vĩnh	26	25	1	0	1	0	0
Huyện Vạn Ninh	140	126	13	1	2	10	1
Huyện Khánh Sơn	16	9	0	0	0	0	0
Huyện Diên Khánh	127	118	9	2	7	0	0
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0
.....							

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm



Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Phan Quý Thành

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 11 năm 2016



GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lê Văn Hạ



Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 03 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Năm)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hoà

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

	Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (người)							Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		
			Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	656	3703	2716	967	3334	358	30	3267	2906
Thành phố Cam Ranh	105	594	407	187	556	38	4	590	288
Thị xã Ninh Hoà	206	1275	977	298	1243	32	0	1275	1275
Huyện Cam Lâm	71	381	266	105	350	21	21	381	381
Huyện Diên Khánh	110	582	439	143	575	7	1	402	262
Huyện Khánh Sơn	32	171	119	42	49	121	0	65	100
Huyện Khánh Vĩnh	47	232	148	84	93	139	1	212	162
Huyện Vạn Ninh	85	468	360	108	468	0	3	342	438
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm



- Số liệu ước tính Cột 1: 131 ; Cột 2: 740 ; Cột 9: 581

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



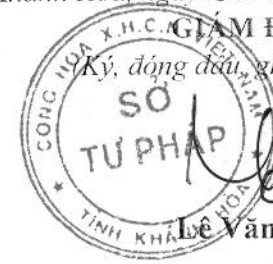
Phan Quý Thành

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng

Khánh Hoà, ngày 30 tháng 11 năm 2016



Lê Văn Hạ



Biểu số: 10b/BTP/PBGDPL

Ban hành theo Thông tư số
04/2016/TT-BTP

ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng
năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng
năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
(PBGDPL)**

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hoà

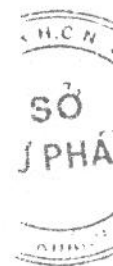
Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

A	Phổ biến pháp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	2634	119187	286	45651	115394	59907	14013	3675



I. Sở Tư pháp	65	4800	1	26000	51000	51000	-	460
II. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	599	36992	165	11731	51235	8835	0	2285
Sở Kế hoạch và đầu tư	260	1	150	0	0	0	0	0
Sở Giao thông và Vận tải	32	2256	0	0	0	4600	0	0
Sở Y tế	71	2275	0	0	2525	0	0	2275
Cục Thống kê	2	70	1	66	350	0	0	10
Sở Tài chính	10	550	0	0	760	0	0	
Sở Nội vụ	15	1100	0	0	1500	0	0	0
Sở Khoa học và Công nghệ	3	350	0	0	550	0	0	0
Sở Xây dựng	5	350	0	0	450	0	0	0
Cục Thuế	90	2500	5	560	1800	0	0	0
Trường Cảnh sát Tỉnh	25	1500	0	0	5500	0	0	0
Sở Thông tin và Truyền thông	15	8000	2	650	7900	0	0	0
Ban Dân tộc	5	4600	2	5435	8200	3000	0	0
Kho bạc Nhà nước tỉnh	25	480	2	460	0	0	0	0
Trường Cao đẳng Y tế	6	6540	0	0	0	0	0	0
Sở Lao động - Thương binh và xã	30	4530	0	0	21700	1235	0	0
Sở Tài nguyên và Môi trường	5	1890	3	4560	0	0	0	0
Tổng cộng	1970	77395	120	7920	13159	72	14013	930



Thị xã Ninh Hoà	770	33413	32	6634	2412	0	3398	2
Huyện Khánh Vĩnh	110	8980	13	126	86	19	1962	23
Huyện Cam Lâm	83	3483	1	104	2230	0	1174	820
Huyện Khánh Sơn	621	20834	9	206	1120	53	2002	45
Huyện Diên Khánh	51	3255	11	511	1379	0	2751	8
Huyện Vạn Ninh	140	7425	16	201	5900	0	2702	32
Thành phố Cam Ranh	195	5	38	138	32	0	24	32

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1: 527 ; Cột 3: 57 ; Cột 5: 230789 ; Cột 7: 2803 ; Cột 8: 735

Người lập biểu



Phan Quý Thành

Người kiểm tra



Đào Đức Thăng

Khánh Hoà, ngày 30 tháng 11 năm 2016



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hạ



Biểu số: 09d/BTP/PBGDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP

ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm

SỐ TUYỂN TRUYỀN VIÊN PHÁP

LUẬT VÀ BÁO CÁO VIÊN PHÁP

LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Năm)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hoà

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: người

	Số tuyển truyền viên pháp luật cấp xã				Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện				Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh			
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	1815	115	150	701	177	22	52	168	49	0	42	35
I. Sở Tư pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	15	0	15	15
II. Trên địa bàn huyện	1815	115	150	701	177	22	52	168	-	-	-	-
Huyện Vạn Ninh	328	0	46	218	26	0	7	26				



Huyện Diên Khánh	156	1	31	43	47	0	8	47				
Huyện Cam Lâm	177	0	0	0	17	15	0	8				
Huyện Khánh Sơn	168	84	20	104	26	7	4	26				
Thị xã Ninh Hoà	233	0	0	133	20	0	0	20				
Huyện Khánh Vĩnh	358	25	15	65	9	0	9	9				
Thành phố Cam Ranh	395	5	38	138	32	0	24	32	-	-	-	-
III. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	34	0	27	19
Sở Kế hoạch và Đầu tư									1	0	1	1
Sở Y tế									1	0	0	0
Sở Công thương									1	0	1	0
Sở Khoa học và Công nghệ									1	0	0	1
Sở Thông tin và Truyền thông									1	0	1	1
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch									1	0	1	1
Sở Xây dựng									1	0	1	1
Cục Thống kê									1	0	1	1
Cục Hải quan tỉnh									1	0	1	1
Cục Thuế									1	0	1	0
Ban quản lý DA các công trình GT-TL									1	0	1	0
Hội Luật gia									1	0	1	1
Thanh tra tỉnh									1	0	1	1
Hội Phụ nữ tỉnh									1	0	1	1
Văn phòng UBND tỉnh									1	0	1	1

CH.C
S
IUP
TINH

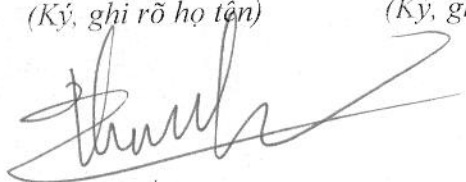
Trường Đại học Khánh Hòa								1	0	1	1
Sở Kế hoạch và Đầu tư								1	0	1	1
Sở Công thương								1	0	1	1
Sở Nội vụ								1	0	1	1
Sở Ngoại vụ								1	0	1	1
Thanh tra tỉnh								1	0	1	0
Sở Tài nguyên và Môi trường								1	0		0
Sở Tài chính								1	0	1	0
Ban quản lý dự án các công trình giao thông -								1	0	1	0
Hội Nông dân tỉnh								1	0	1	1
Văn phòng UBND tỉnh								1	0	1	0
Hội Cựu chiến binh tỉnh								1	0	1	0
Trường cao đẳng nghề Nha Trang								1	0	1	1
Đoàn Thanh niên tỉnh								1	0	1	0
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh								1	0	0	0
Công an tỉnh								1		0	0
Sở Du lịch tỉnh								1	0	0	1
Ban quản lý khu kinh tế								1	0	0	0
Sở Giáo dục và Đào tạo								1	0	1	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

Số liệu ước tính Cột 1: 363 Cột 5: 18 Cột 9: 10



Người lập biên
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phan Quý Thành

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng

Khánh Hoà, ngày 30 tháng Năm 2016

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ



Biểu số: 25/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

SỐ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(Năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp;

Đơn vị nhận báo cáo:

Kỳ báo cáo: Lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị tính: vụ việc

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận			Kết quả Trợ giúp pháp lý						
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã hoàn thành				Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ		Phân theo người thực hiện					
						Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên khác		
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng số		674	0	674	674	624	10	40	0	0	0
1	Pháp luật hình sự	57	0	57	57	52	3	2	0	0	0
1.1	Tư vấn	53	0	53	53	48	3	2	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	53	0	53	53	48	3	2	0	0	0
1.2	Tham gia tố tụng	4	0	4	4	4	0	0	0	0	0
-	Trong đó bào chữa	4	4	4	4		0	0	0	0	0
1.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình	288	0	288	288	271	3	14	0	0	0
2.1	Tư vấn	284	0	284	284	267	3	14	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	270	0	270	270	267	3	0	0	0	0
2.2	Tham gia tố tụng	4	0	4	4	4	0	0	0	0	0
2.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Pháp luật hành chính	176	0	176	176	173	0	3	0	0	0

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận			Kết quả Trợ giúp pháp lý						
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã hoàn thành				Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ		Phân theo người thực hiện					
						Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên khác		
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3.1	Tư vấn	172	0	172	172	169	0	3	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	169	0	169	169	169	0	0	0	0	0
3.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Đại diện ngoài tố tụng	4	0	4	4	4	0	0	0	0	0
3.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Các lĩnh vực pháp luật khác	153	0	153	153	128	4	21	0	0	0
4.1	Tư vấn	153	0	153	153	128	4	21	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	132	0	132	132	128	4	0	0	0	0
4.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1: 135 vụ việc

Người lập biểu

[Signature]
Đào Đức Thắng

Người kiểm tra

[Signature]
Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 11 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



SIAM ĐỒ

[Signature]
Lê Văn Hạ

Biểu số: 24/BTP/IGPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

SỐ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(Năm 2016)

Kỳ báo cáo: Lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp;

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Lượt người

Phân theo lĩnh vực pháp luật		Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý									
		Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
			Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục												
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số		674	0	0	311	363	154	86	24	26	29	13	2	0	0	340
1	Pháp luật hình sự	57	0	0	26	31	23	11	4	2	3	1	1	0	0	12
1.1	Tư vấn	53	0	0	24	29	20	11	4	1	3	1	1	0	0	12
1.2	Tham gia tố tụng	4	0	0	2	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0
1.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình	288	0	0	133	155	56	37	13	9	12	4	0	0	0	157
2.1	Tư vấn	284	0	0	131	153	53	37	13	9	12	3	0	0	0	157
2.2	Tham gia tố tụng	4	0	0	2	2	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0
2.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Pháp luật hành chính	176	0	0	81	95	37	21	5	4	10	4	0	0	0	95
3.1	Tư vấn	172	0	0	79	93	35	21	5	3	10	3	0	0	0	95
3.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Đại diện ngoài tố tụng	4	0	0	2	2	2	0	0	1	0	1	0	0	0	0
3.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Các lĩnh vực pháp luật khác	153	0	0	71	82	38	17	2	11	4	4	1	0	0	76

Phân theo lĩnh vực pháp luật	Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý									
	Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
		Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục												
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4.1 Tư vấn	153	0	0	71	82	38	17	2	11	4	4	1	0	0	76
4.2 Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3 Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4 Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 135 lượt người

Người lập biểu


Bui Viet Sy

Người kiểm tra



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 11 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIÁM ĐỐC




Lê Văn Hạ